

Bản án số: 43/2022/LĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2022
V/v tranh chấp về tiền lương
và bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thanh Hiền;

Ông Nguyễn Khắc Nhu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Thu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST-LĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về: “Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2022/QĐXXST-LĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị K; Địa chỉ: phường T, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH A; Địa chỉ trụ sở: Phường MB, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị H; Địa chỉ: Phường MB, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền số 021/UQ-AG/12/2021, ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Công ty) - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, bà Cao Thị K là nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/3/2018 bà vào làm việc tại Công ty TNHH A với chức vụ KCS. Ngày 01/6/2018 có ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm đến 31/5/2019. Sau đó, công ty và bà ký tiếp hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương là 4.471.530 đồng/tháng

nhưng bà không được giữ bản hợp đồng này. Đến ngày 26/02/2021 bà làm đơn xin nghỉ việc vì công ty trả lương không đúng thời hạn. Công ty chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 6/2018 đến hết tháng 10/2018 thì ngưng đủ hàng tháng công ty trừ tiền bảo hiểm xã hội của bà.

Nay bà xác định tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của bà như sau:

Từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2018 là 4.471.530 đồng.

Từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019 là 4.696.230 đồng.

Từ tháng 01/2020 đến tháng 7/2020 là 4.965.870 đồng.

Từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 là 4.965.870 đồng.

Bà Kính yêu cầu Công ty TNHH A đóng bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2021 theo công nợ của cơ quan Bảo hiểm xã hội Tân Bình cung cấp. Hiện nay bà đang giữ sổ bảo hiểm xã hội.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH A thanh toán tiền lương của 28 ngày phép năm 2019 và 2020 chưa nghỉ với số tiền là 5.200.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút yêu cầu này.

Trong bản tự khai, bà Lê Thị H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về tiền nợ bảo hiểm xã hội, công ty cam kết sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho cơ quan Bảo hiểm xã hội. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 và giãn cách xã hội, công ty phải tạm dừng hoạt động trong thời gian dịch bệnh bùng phát nên hiện nay rất khó khăn, đang phải nỗ lực để vực dậy hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì công ăn việc làm cho người lao động. Vì vậy công ty đề nghị được trả số tiền còn nợ cho cơ quan Bảo hiểm xã hội ngay khi có thể (dự kiến khoảng 06 đến 09 tháng). Việc trả nợ, công ty sẽ thực hiện theo đúng quy định của Bảo hiểm xã hội. Về yêu cầu thanh toán tiền phép năm, Công ty đề nghị được không thực hiện do hiện nay Công ty đang tái cấu trúc, nên việc tập hợp chứng từ để đối chiếu, xác nhận các khoản tiền này rất khó khăn, hơn nữa số tiền này cũng không quá lớn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng quy định và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện Công ty TNHH A và bà Cao Thị K có giao kết hợp đồng lao động. Do phía Công ty TNHH A vi phạm hợp đồng lao động nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền lương của những ngày phép năm chưa nghỉ và đóng bảo hiểm xã hội. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án lao động về “Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội” theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo hợp đồng lao động thì địa điểm làm việc của nguyên đơn tại địa chỉ: Số 52 đường ĐHT 21, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn cũng có địa chỉ cư trú tại 246/6/7 KP B, đường L, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm d khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Cao Thị K là nguyên đơn có đơn xin không tiếp tục hoà giải và vắng mặt tại phiên toà. Bà Lê Thị H là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải được, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH A đóng bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2021. Theo bà Cao Thị K trình bày thì bà vào làm việc tại Công ty TNHH A ngày 03/3/2018 với chức vụ KCS. Ngày 01/6/2018 có ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm đến 31/5/2019. Sau đó, công ty và bà ký tiếp hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương là 4.471.530 đồng/tháng nhưng bà không được giữ bản hợp đồng này. Đến ngày 26/02/2021 bà làm đơn xin nghỉ việc vì công ty trả lương không đúng thời hạn. Công ty chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 6/2018 đến hết tháng 10/2018 thì ngưng đủ hàng tháng công ty có trừ tiền bảo hiểm xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù nguyên đơn không xuất trình được hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và Công ty TNHH A từ sau ngày 31/5/2019, nhưng căn cứ vào lời khai của các bên cũng như văn bản số 776/BHXXH ngày 28/4/2022 của cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Tân Bình về việc cung cấp thông tin cho Tòa án thì có đủ cơ sở xác định bà Cao Thị K có làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH A từ tháng 6/2018 đến tháng 02/2021. Công ty TNHH A mới hoàn tất công nợ đến hết tháng 10/2018, chưa chốt sổ cho người lao động do còn nợ quỹ bảo hiểm xã hội. Tính đến tháng 4/2022, số tiền tạm tính Công ty TNHH A phải nộp để chốt sổ cho bà Kính là 39.661.755 đồng (đã bao gồm lãi). Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH A phải đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2021 là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương của 28 ngày phép năm 2019 và 2020 chưa nghỉ với số tiền là 5.200.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án do nguyên đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích, đánh giá như trên, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 15, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 111 và Điều 114 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào các Điều 2, Điều 5, Điều 21, Điều 85, Điều 86, Điều 89 và Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị K:

Buộc Công ty TNHH A phải nộp vào quỹ Bảo hiểm xã hội cho bà Cao Thị K số tiền nợ từ tháng 11/2018 đến tháng 02/2021 là 39.661.755 đồng (Ba mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng) tạm tính đến tháng 4/2022 và chốt sổ cho bà Cao Thị K. Nộp một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Công ty TNHH A còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất áp dụng theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Cao Thị K yêu cầu Công ty TNHH A thanh toán tiền lương của 28 ngày phép năm 2019 và năm 2020 chưa nghỉ với số tiền là 5.200.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

4. Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm là 1.189.853 đồng (Một triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng) do Công ty TNHH A chịu. Bà Cao Thị K được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp